LIÊM CHÍNH HỌC THUẬT TRONG GIẢNG DẠY VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM CAO BẰNG: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Đào Xuân Kiên
Trường CĐSP Cao Bằng

Tóm tắt: *Nghiên cứu này đánh giá thực trạng nhận thức, hành vi thực hành và các yếu tố ảnh hưởng đến liêm chính học thuật trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng, từ đó đề xuất giải pháp cải thiện. Khảo sát được thực hiện trên mẫu N = 52 giảng viên thông qua bảng hỏi chuẩn hóa theo thang đo Likert 5 mức độ. Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS để tính tần số (F), tỷ lệ phần trăm (%), giá trị trung bình (Mean) và độ lệch chuẩn (SD). Kết quả cho thấy nhận thức (Mean = 4.28) và mức độ thực hành liêm chính học thuật trong giảng dạy (Mean = 4.24) cũng như nghiên cứu khoa học (Mean = 4.18) của giảng viên đạt ở mức cao đến rất cao. Đạo đức nghề nghiệp cá nhân (Mean = 4.52) và hệ thống quy định của nhà trường (Mean = 4.29) là hai yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất. Tuy nhiên, việc áp dụng công nghệ kiểm tra trùng lặp và nhận thức về việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vẫn còn hạn chế. Nghiên cứu đề xuất 04 nhóm giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao văn hóa liêm chính học thuật tại nhà trường trong giai đoạn mới.*

Từ khóa*: Liêm chính học thuật, giảng dạy, nghiên cứu khoa học.*

ACADEMIC INTEGRITY IN TEACHING AND SCIENTIFIC RESEARCH AMONG LECTURERS AT CAO BANG TEACHER TRAINING COLLEGE: CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS

Abstract: *This study evaluates the current status of awareness, practices, and influencing factors regarding academic integrity in teaching and scientific research among lecturers at Cao Bang Pedagogical College, thereby proposing improvement solutions. A survey was conducted on a sample of N = 52 lecturers using a standardized 5-point Likert scale questionnaire. Data were processed using SPSS software to calculate frequencies (F), percentages (%), means (Mean), and standard deviations (SD). Findings indicate that lecturers' awareness (Mean = 4.28) and their practice of academic integrity in teaching (Mean = 4.24) and research (Mean = 4.18) reached high to very high levels. Individual professional ethics (Mean = 4.52) and institutional regulations (Mean = 4.29) were identified as the two most influential factors. However, the adoption of similarity-checking tools and awareness of academic integrity in AI utilization remain areas needing improvement. Based on these findings, four strategic groups of solutions are proposed to advance the culture of academic integrity at the college.*

Keywords: *Academic integrity, teaching, scientific research*

Nhận bài: 10/08/2026 *Phản biện: 10/09/2026* *Duyệt đăng: 14/09/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Liêm chính học thuật (LCHT) là nền tảng cốt lõi đảm bảo giá trị thực chất của giáo dục và sự tin cậy của các công trình nghiên cứu khoa học (NCKH). Đối với các cơ sở đào tạo giáo viên như Trường Cao đẳng Sư phạm (CĐSP) Cao Bằng, LCHT không chỉ là yêu cầu chuẩn mực đối với bản thân giảng viên (GV) mà còn mang tính chuẩn mực sư phạm, trực tiếp tác động đến việc hình thành nhân cách và đạo đức nghề nghiệp của sinh viên (SV). Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo (AI), công tác đảm bảo LCHT đối mặt với nhiều thách thức mới như nguy cơ đạo văn, thao túng dữ liệu hay vi phạm bản quyền. Do đó, việc đánh giá toàn diện thực trạng nhận thức, hành vi và các yếu tố ảnh hưởng, từ đó đề xuất các giải pháp khả thi là yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH tại Trường CĐSP Cao Bằng.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện thông qua phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi. Mẫu nghiên cứu bao gồm N = 52 GV đang trực tiếp công tác và giảng dạy tại các khoa, bộ môn thuộc Trường CĐSP Cao Bằng, được lựa chọn theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện. Công cụ đo lường là bảng hỏi bao gồm 20 tiêu chí đóng, được chia đều thành 4 nhóm nội dung tương ứng với các mục tiêu khảo sát. Các tiêu chí được đánh giá theo thang đo Likert 5 mức độ, tăng dần từ 1 đến 5 (1 - Rất không đồng ý/Rất hiếm khi; 2 - Không đồng ý/Hiếm khi; 3 - Phân vân/Đôi khi; 4 - Đồng ý/Thường xuyên; 5 - Rất đồng ý/Rất thường xuyên). Toàn bộ thông tin thu thập được tiến hành mã hóa và xử lý bằng phần mềm SPSS. Các tham số thống kê mô tả được sử dụng bao gồm: Tần số (F), tỷ lệ phần trăm (%), giá trị trung bình (Mean) và độ lệch chuẩn (SD). Để đánh giá định lượng kết quả, khoảng giá trị của

giá trị trung bình (Mean) được chia thành 5 mức độ: từ 1.00 - 1.80 (Rất thấp); 1.81 - 2.60 (Thấp); 2.61 - 3.40 (Trung bình); 3.41 - 4.20 (Cao); và từ 4.21 - 5.00 (Rất cao).

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Nhận thức của giảng viên về liêm chính học thuật

Trong tâm lý học và khoa học giáo dục, nhận thức đóng vai trò là tiền đề lý luận định hình thái độ và điều chỉnh hành vi của cá nhân. Đối với đội ngũ GV, sự hiểu biết đầy đủ và đúng đắn về các chuẩn mực LCHT không chỉ giúp bảo vệ uy tín cá nhân trong hoạt động chuyên môn mà còn trực tiếp lan tỏa các giá trị đạo đức đến SV. Để đánh giá mức độ hiểu biết của đội ngũ GV Trường CĐSP Cao Bằng về các quy định, chuẩn mực và hành vi vi phạm liêm chính, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 5 nội dung cơ bản. Kết quả tổng hợp số liệu về nhận thức của GV được thể hiện chi tiết tại Bảng 1.

Bảng 1. Nhận thức của giảng viên về liêm chính học thuật (N = 52)

TT	Nội dung đánh giá	F	%	Mean	SD
1	Hiểu rõ quy định về trích dẫn và trích dẫn nguồn tài liệu theo chuẩn quốc tế.	48	92.3	4.42	0.61
2	Nhận diện đúng các hành vi đạo văn và gian lận trong NCKH.	45	86.5	4.25	0.68
3	Nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của tính trung thực trong kiểm tra, đánh giá SV.	50	96.2	4.58	0.53
4	Hiểu rõ hậu quả pháp lý và uy tín học thuật khi vi phạm liêm chính.	46	88.5	4.31	0.72
5	Nắm vững các tiêu chuẩn liêm chính khi sử dụng công cụ AI trong giảng dạy và NCKH.	38	73.1	3.85	0.83
Giá trị trung bình				**4.28**	**0.67**

(Nguồn: kết quả xử lý số liệu của tác giả - 2026)

Số liệu Bảng 1 cho thấy nhận thức của GV Trường CĐSP Cao Bằng về LCHT đạt mức "Rất cao" với điểm trung bình chung (M = 4.28 (SD = 0.67). Trong đó, Nội dung về "Nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của tính trung thực trong kiểm tra, đánh giá sinh viên" ghi nhận mức độ đồng thuận cao nhất với 96.2% GV lựa chọn (M = 4.58, SD = 0.53). Tiếp đến, kỹ năng trích dẫn tài liệu theo chuẩn quốc tế (Nội dung 1) và nhận thức về hậu quả pháp lý khi vi phạm (Nội dung 4) cũng đạt kết quả rất khả quan với giá trị trung bình lần lượt là (M = 4.42, SD = 0.61) và (M = 4.3, SD = 0.72). Nội dung về nhận diện hành vi đạo văn cũng đạt mức rất cao (M = 4.25, SD = 0.68). Đáng chú ý, nội dung 5 liên quan đến tiêu chuẩn liêm chính khi sử dụng công cụ AI đạt điểm thấp nhất trong nhóm khảo sát (M = 3.85, SD = 0.83, tỷ lệ đồng thuận 73.1%). Mặc dù vẫn xếp ở mức "Cao", kết quả này phản ánh một "khoảng trống" trong việc tiếp cận các chuẩn mực công nghệ mới, đòi hỏi nhà trường cần sớm ban hành hướng dẫn cụ thể và tổ chức các lớp tập huấn chuyên đề về LCHT trong kỷ nguyên số.

Nhận thức đúng đắn là tiền đề quan trọng, tuy nhiên việc chuyển hóa từ nhận thức thành các hành vi cụ thể trong thực tiễn lại chịu tác động của nhiều yếu tố; do đó, nghiên cứu tiếp tục khảo sát thực trạng thực hành LCHT của GV trong hoạt động giảng dạy

Bảng 2. Thực trạng thực hành liêm chính trong hoạt động giảng dạy (N = 52)

TT	Nội dung thực hành	F	%	Mean	SD
1	Minh bạch, công bằng trong chấm thi và đánh giá kết quả học tập của SV.	51	98.1	4.65	0.48
2	Hướng dẫn SV tuân thủ quy định trích dẫn tài liệu trong bài tập, NCKH.	44	84.6	4.19	0.71
3	Cập nhật và ghi rõ nguồn tài liệu tham khảo khi xây dựng giáo trình, bài giảng.	47	90.4	4.38	0.63

4	Nghiêm túc xử lý các trường hợp gian lận thi cử, bài tập của SV.	42	80.8	4.08	0.76
5	Tự xây dựng bộ câu hỏi đánh giá mới, tránh lặp lại hoàn toàn đề thi cũ.	40	76.9	3.92	0.81
Giá trị trung bình				**4.24**	**0.68**

(Nguồn: kết quả xử lý số liệu của tác giả - 2026)

Kết quả tại Bảng 2 phản ánh mức độ thực hànhLCHT trong hoạt động giảng dạy của GV đạt mức "Rất cao" với điểm trung bình chung (M = 4.24, SD = 0.68). Sự minh bạch, công bằng trong chấm thi và đánh giá kết quả học tập của SV (Nội dung 1) ghi nhận chỉ số cao nhất toàn bảng với 98.1% GV lựa chọn (M = 4.65, SD = 0.48), khẳng định trách nhiệm đạo đức cao của đội ngũ GV. Việc cập nhật, ghi rõ nguồn tài liệu khi biên soạn bài giảng (Nội dung 3) và hướng dẫn SV trích dẫn tài liệu (Nội dung 2) cũng đạt mức đánh giá rất tích cực, lần lượt là (M = 4.38, SD = 0.63) và (M = 4.19, SD = 0.71). Bên cạnh đó, việc nghiêm túc xử lý các trường hợp gian lận thi cử (Nội dung 4) đạt mức "Cao" (M = 4.08, SD = 0.76). Tuy nhiên, nội dung 5 về việc tự xây dựng bộ câu hỏi đánh giá mới nhằm tránh lặp lại hoàn toàn đề thi cũ đạt điểm trung bình thấp nhất (M = 3.92, SD = 0.81, tỷ lệ 76.9%). Điều này chỉ ra rằng công tác cải tiến, đổi mới công cụ kiểm tra đánh giá định kỳ vẫn cần được chú trọng hơn nữa để hạn chế nguy cơ gian lận thụ động. Bên cạnh các hoạt động chuyên môn trên lớp, LCHT còn là thước đo cốt lõi thể hiện uy tín khoa học của GV trong công tác NCKH (Bảng 3).

Bảng 3. Thực trạng thực hành liêm chính trong nghiên cứu khoa học (N = 52)

TT	Nội dung đánh giá	F	%	Mean	SD
1	Trích dẫn đầy đủ và chính xác tất cả các nguồn tài liệu sử dụng trong bài viết.	46	88.5	4.35	0.65
2	Báo cáo chính xác kết quả thu thập số liệu, không gọt giũa hoặc hư cấu dữ liệu.	47	90.4	4.40	0.62
3	Không đứng tên chung trong các sản phẩm NCKH mà mình không đóng góp.	43	82.7	4.15	0.78
4	Không xuất bản một kết quả nghiên cứu trên nhiều tạp chí/kỷ yếu khác nhau.	45	86.5	4.27	0.71
5	Tự kiểm tra mức độ trùng lặp (đạo văn) trước khi nộp bài báo/đề tài NCKH.	35	67.3	3.73	0.89
Giá trị trung bình				**4.18**	**0.73**

(Nguồn: kết quả xử lý số liệu của tác giả - 2026)

Dữ liệu tại Bảng 3 phản ánh thực tế thực hành liêm chính trong NCKH của GV đạt mức "Cao" với điểm trung bình chung (M = 4.18, SD = 0.73). Phân tích chuyên sâu cho thấy sự phân hóa rõ rệt giữa ý thức đạo đức cá nhân và khả năng tự kiểm soát bằng công cụ chuyên dụng. Về mặt đạo đức nghề nghiệp, GV thể hiện tính tự giác rất cao thông qua việc báo cáo trung thực số liệu thực nghiệm (nội dung 2: M = 4.40, SD = 0.62, tỷ lệ 90.4%) và tuân thủ nghiêm ngặt quy chuẩn trích dẫn tài liệu (nội dung 1: M = 4.35, SD = 0.65). Các hành vi vi phạm như xuất bản trùng lặp hay đứng tên khống (nội dung 3 và 4) cũng được kiểm soát tốt với điểm trung bình lần lượt đạt M = 4.15 và M = 4.27. Tuy nhiên, ở khía cạnh kỹ thuật, việc chủ động tự rà soát mức độ trùng lặp (đạo văn) trước khi nộp sản phẩm NCKH (nội dung 5) ghi nhận chỉ số thấp nhất toàn bảng (M = 3.73, SD = 0.89, tỷ lệ đồng thuận chỉ đạt 67.3%). Sự sụt giảm đáng kể ở tiêu chí này cho thấy mặc dù GV có tinh thần trung thực cao, việc thiếu hụt các phần mềm kiểm tra đạo văn chuyên dụng tại cơ sở đã hạn chế khả năng tự rà soát số liệu một cách bài bản.

Những kết quả thực hành ở cả hai lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu không tồn tại độc lập mà chịu sự tác động tổng hòa từ các yếu tố bên trong lẫn môi trường bên ngoài; do đó, việc nhận diện cụ thể các yếu tố ảnh hưởng là cơ sở then chốt để đề xuất các giải pháp nâng cao LCHT mang tính khả thi.

Số liệu đã phác họa rõ nét mức độ tác động của các nhóm yếu tố đến việc tuân thủ LCHT với điểm trung bình chung (M = 4.17, SD = 0.72). Phân tích dữ liệu cho thấy vai trò chi phối của nhóm yếu tố nội tại, trong đó (yếu tố 1) được xác định là nhân tố có ảnh hưởng quyết định nhất với 94.2% đồng thuận (M = 4.52, SD = 0.57). Ở nhóm yếu tố thể chế và môi trường, thể chế quản lý của nhà trường (nội dung 2: M = 4.29, SD = 0.66), văn hóa học thuật (yếu tố 4: M = 4.12, SD = 0.73) và hạ tầng công nghệ hỗ trợ (yếu tố 5: M = 4.02, SD = 0.80) đều đóng vai trò là những lực đẩy tích cực duy trì chuẩn mực liêm chính. Bên cạnh đó, (yếu tố 3) đạt mức đánh giá "Cao" (M = 3.88, SD = 0.85, tỷ lệ đồng thuận 75.0%). Mặc dù có điểm số thấp nhất trong 5 yếu tố, chỉ số này phản ánh một thực tế mang tính cảnh báo: áp lực thành tích và chỉ tiêu định lượng nếu không được kiểm soát hợp lý có thể trở thành yếu tố nguy cơ tiềm ẩn làm suy giảm tính trung thực trong NCKH.

2.2.2 Thảo luận và đề xuất giải pháp

2.2.2.1. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Đối chiếu kết quả phân tích định lượng từ 4 bảng số liệu phản ánh thực trạng vừa mang tính khả quan, vừa chứa đựng những thách thức nội tại trong công tác quản lý LCHT tại Trường CĐSP Cao Bằng. Nổi bật là đội ngũ GV có nền tảng nhận thức đúng đắn và tinh thần tự giác cao đối với các giá trị đạo đức nghề nghiệp (thể hiện qua các chỉ số M > 4.20 ở hành vi kiểm tra đánh giá công bằng và bảo vệ tính trung thực của dữ liệu NCKH). Tuy nhiên, phân tích sâu các chỉ số có điểm trung bình thấp nhất ở từng khía cạnh đã bộc lộ hai "nút thắt" đang cản trở việc nâng cao chất lượng học thuật toàn diện: Thứ nhất, khoảng trống thể chế trước sự bùng nổ của công nghệ mới (đặc biệt là Trí tuệ nhân tạo - AI): Sự sụt giảm chỉ số nhận thức ở tiêu chí sử dụng AI (Bảng 1, M = 3.85) cho thấy sự lúng túng của GV trong việc xác định ranh giới giữa "hỗ trợ nghiên cứu" và "vi phạm liêm chính". Việc thiếu các quy định nội bộ và hướng dẫn kỹ thuật cụ thể từ phía nhà trường về phạm vi, mức độ được phép khai thác các công cụ sinh nội dung tự động đang tạo ra nguy cơ vi phạm liêm chính thụ động (không cố ý). GV muốn ứng dụng công nghệ để đổi mới giảng dạy nhưng lại thiếu một "hành lang an toàn" về mặt pháp lý và đạo đức. Thứ hai, sự khập khễnh giữa "ý thức tự giác" và "hạ tầng kiểm soát kỹ thuật": Số liệu ở Bảng 3 chỉ ra tiêu chí tự kiểm tra trùng lặp bằng phần mềm trước khi nộp sản phẩm NCKH đạt mức thấp nhất (M = 3.73). Điều này không xuất phát từ thái độ chủ quan của GV (bởi ý thức bảo vệ tính trung thực dữ liệu đạt tới M = 4.40), mà do sự thiếu hụt hạ tầng công nghệ hỗ trợ. Việc nhà trường chưa trang bị các phần mềm kiểm tra đạo văn chuyên dụng (như Turnitin, DoIT,...) buộc GV phải rà soát thủ công hoặc bỏ qua bước này. Tình trạng "lực bất tòng tâm" về mặt công cụ kh-iến quy trình thẩm định sản phẩm NCKH thiếu đi tính khách quan và chuẩn hóa cần thiết.

2.2.2.2 Đề xuất một số giải pháp cơ bản

Từ việc phân tích thực trạng và nhận diện các "nút thắt" trong quản lý, nghiên cứu đề xuất 04 nhóm giải pháp mang tính chiến lược và đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả tuân thủ LCHT tại Trường CĐSP Cao Bằng:

Thứ nhất, hoàn thiện hành lang pháp lý và thể chế quản lý nội bộ: Nhà trường cần sớm xây dựng và ban hành Bộ Quy tắc Liêm chính học thuật dành riêng cho cán bộ, GV và SV, trong đó quy định rõ ràng các chuẩn mực đạo đức, quy trình thẩm định và chế tài xử lý vi phạm nghiêm minh. Đặc biệt, trước sự phát triển của công nghệ số, cần ban hành ngay khung hướng dẫn chính thức về việc ứng dụng AI trong giảng dạy và NCKH; xác định rõ ranh giới giữa việc khai thác AI làm công cụ hỗ trợ và hành vi gian lận học thuật, giúp GV yên tâm đổi mới sáng tạo trong một "hành lang an toàn".

Thứ hai, đầu tư hạ tầng công nghệ và tự động hóa quy trình kiểm soát: Để giải quyết triệt để rào cản thiếu hụt công cụ rà soát, nhà trường cần ưu tiên nguồn kinh phí mua bản quyền phần mềm kiểm tra trùng lặp dữ liệu chuyên dụng như: Turnitin, DoIT... Việc này không chỉ giúp GV chủ động tự kiểm tra, hoàn thiện sản phẩm NCKH trước khi xuất bản mà còn chuẩn hóa quy trình thẩm định giáo trình, đề tài nghiên cứu cấp cơ sở một cách khách quan, minh bạch.

Thứ ba, đẩy mạnh công tác bồi dưỡng và lan tỏa văn hóa liêm chính: Định kỳ tổ chức các khóa tập huấn chuyên đề về phương pháp trích dẫn chuẩn quốc tế, kỹ năng tra cứu tài liệu và đạo đức nghiên cứu cho toàn thể GV và SV. Bên cạnh việc trang bị kỹ thuật, cần lồng ghép nội dung LCHT vào các buổi sinh hoạt chuyên môn, hội thảo khoa học nhằm nuôi dưỡng đạo đức nghề nghiệp cá nhân - yếu tố được xác định có ảnh hưởng chi phối nhất đến hành vi của GV.

Thứ tư, đổi mới công tác thi đua và quản trị hoạt động nghiên cứu: Chuyển dịch tư duy quản

lý NCKH từ phương thức đánh giá "theo số lượng/chỉ tiêu định lượng" sang coi trọng "chất lượng thực chất và giá trị ứng dụng". Giảm bớt áp lực thành tích định kỳ sẽ hạn chế tối đa nguy cơ vi phạm liêm chính thụ động. Đồng thời, nhà trường cần tạo dựng môi trường sinh hoạt khoa học cởi mở, khuyến khích phản biện khách quan, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ và tinh thần hợp tác lành mạnh giữa các nhà nghiên cứu.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã phân tích toàn diện thực trạng LCHT của đội ngũ GV Trường CĐSP Cao Bằng trên hai trục hoạt động cốt lõi là giảng dạy và NCKH. Kết quả thực nghiệm khẳng định GV nhà trường có mức độ nhận thức đúng đắn và tinh thần thực hành các chuẩn mực liêm chính ở mức cao đến rất cao, trong đó đạo đức nghề nghiệp cá nhân giữ vai trò quyết định. Mặc dù vậy, sự thiếu hụt hạ tầng công nghệ kiểm soát trùng lặp và khoảng trống pháp lý trước các công cụ AI mới vẫn là những thách thức cần sớm tháo gỡ. Thực thi đồng bộ 04 nhóm giải pháp đề xuất, từ hoàn thiện thể chế, trang bị công nghệ, nâng cao năng lực cho đến đổi mới quản trị không chỉ giúp nhà trường giải quyết triệt để các hạn chế tồn tại mà còn góp phần kiến tạo môi trường học thuật lành mạnh, khẳng định uy tín và chất lượng đào tạo của nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Fishman, T. (2014). Fundamental values of academic integrity. International Center for Academic Integrity, 2(1), 1-12.

Macfarlane, B. (2009). Researching with integrity: The ethics of academic enquiry. Routledge.

Nguyen, T. H., & Pham, H. T. (2022). Academic integrity among higher education lecturers in Vietnam: Current status and solutions. Journal of Educational Sciences, 67(3), 45-56. https://doi.org/10.1016/j.jeds.2022.04.005